

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN**
Bản án số: 82/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16-5- 2018
V/v "Xin ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tấn Hoàn.

2. Ông Phan Văn Liêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoàng Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hội An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2017/TL.ST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06.4.2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST- HNGĐ ngày 26.4.2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà L, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: đường K, thành phố A, tỉnh Quảng Nam. “*Có mặt*”.

Bị đơn: Ông D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: đường K, thành phố A, tỉnh Quảng Nam. “*Vắng mặt*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26.12.2017, được trình bày bổ sung vào các ngày 11.01.2018 và qua các lần hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà L trình bày: Bà và ông D sau một thời gian tìm hiểu thì quyết định kết hôn. Đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Quảng Nam vào năm 2012. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn đỉnh điểm là đầu năm 2017 đến nay, nguyên nhân là tính không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến bất hòa trong cuộc sống. Ông D đã dùng vũ lực với bà và sau đó xin lỗi và bà cũng đã bỏ qua để vợ chồng chung sống hạnh phúc và chăm lo cho con. Qua thời gian ông D lại tiếp tục đánh bà nên bà thấy cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc,

hiện nay bà không còn tình cảm với chồng. Bà L đề nghị Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

cháu K, sinh ngày 28/12/2012 và cháu Kh, sinh ngày 07/9/2016.

Bà L có nguyện vọng sau ly hôn là được trực tiếp nuôi dưỡng con Kh, sinh ngày 07/9/2016 và sẽ giao cháu K, sinh ngày 28/12/2012 cho chồng tôi trực tiếp nuôi dưỡng cả hai không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản trình bày ngày 11 tháng 01 năm 2018 và qua các lần hòa giải tại Tòa ông D trình bày: Vợ chồng ông kết hôn vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đôi khi cũng có mâu thuẫn xảy ra nhưng theo ông là không đáng để dẫn đến việc ly hôn. Ông D nhận thấy bản tính mình nóng nảy nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Nay vợ yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì ông rất thương yêu vợ và các con, ông D mong muốn vợ chồng chung sống hạnh phúc để chăm lo dạy dỗ các con.

Về con chung: có 02 con chung tên là K, sinh ngày 28/12/2012 và K, sinh ngày 07/9/2016. Nếu như Hội đồng xét xử cho vợ ông ly hôn thì ông có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Thư ký chấp hành đúng các quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Bị đơn ông D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông.

Về nội dung vụ án: nhận thấy việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, chị L được ly hôn với ông D. Về con chung giao cháu Kh, sinh ngày 07/9/2016 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu K, sinh ngày 28/12/2012 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng cả hai không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông D có nơi cư trú tại đường K, phường A, thành phố A, tỉnh Quảng Nam nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tham gia phiên tòa nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: bà L và ông D kết hôn vào năm 2012 trên tinh thần tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống đến đầu năm 2017 vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống và có lúc ông D không kiềm chế được bản thân nên đã có hành vi bạo lực với bà L. Ông D thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn ông cũng đã cố gắng níu kéo và hòa giải với vợ nhưng không thành, cả hai vợ chồng hiện nay vẫn sống chung một nhà nhưng không nói chuyện với nhau gần một năm nay. Ông D không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với vợ. Xét thấy bà L và ông D cùng sống chung một nhà nhưng không có tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: bà L và ông D có 02 con chung tên là K, sinh ngày 28/12/2012 và Kh, sinh ngày 07/9/2016 hiện nay các cháu đang sống chung với cha mẹ, ông D có nguyện vọng nếu như ly hôn thì ông trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét thấy hiện tại cháu Kh, sinh ngày 07/9/2016 còn quá nhỏ cần phải có sự chăm nom, chăm sóc trực tiếp từ mẹ, căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Kh, sinh ngày 07/9/2016 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu K, sinh ngày 28/12/2012 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Cả hai không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: bà L và ông D trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: bà L phải chịu án phí vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà L được ly hôn ông D.

2. Về con chung: có 02 con chung:

Cháu K, sinh ngày 28/12/2012; Cháu Kh, sinh ngày 07/9/2016.

Giao cháu Kh, sinh ngày 07/9/2016 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu K, sinh ngày 28/12/2012 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Bà L và ông D có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) bà L phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 00011999 ngày 27.12.2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hội An. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

Bà L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/5/2018). Ông D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND thành phố Hội An
- Các đương sự
- Thi hành án.
- UBND phường Đ,
Điện Bàn, Quảng Nam.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Nhạn

- L- u hồ sơ, án văn.

